

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2016/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 01 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân cấp thẩm quyền xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước thuộc phạm vi tỉnh quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 159/TTr-STC ngày 27 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp thẩm quyền xác lập, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước thuộc phạm vi tỉnh quản lý; cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước theo Điểm đ, Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh).

a, Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định xác lập quyền sở hữu tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quản lý của địa phương theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, đối với tài sản:

- Bất động sản;
- Xe ô tô;
- Các tài sản khác có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

b, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh Quyết định xác lập quyền sở hữu tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình đối với các tài sản không thuộc tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

c, Chủ tịch UBND huyện, thành phố Quyết định xác lập quyền sở hữu tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND huyện, thành phố quản lý đối với các tài sản không thuộc tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu thuộc phạm vi tỉnh quản lý theo Điểm c, Khoản 3, Điều 23 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia).

a, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản của người bị kết án tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án có thẩm quyền theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với tài sản:

- Bất động sản;
- Xe ô tô;
- Các tài sản khác có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

b, Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản của người bị kết án tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cơ quan thi hành án cấp Quận khu chuyển giao đối với các tài sản không thuộc quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này.

c, Chủ tịch UBND huyện, thành phố phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản của người bị kết án tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án cùng cấp chuyển giao đối với các tài sản không thuộc tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế thuộc phạm vi tỉnh quản lý theo Điểm c, Khoản 3, Điều 27 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia, hàng hóa tồn đọng).

a, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với tài sản:

- Bất động sản;
- Xe ô tô;
- Các tài sản khác có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

b, Chủ tịch UBND huyện, thành phố phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản không thuộc quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ, Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đỗ Ngọc An